

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 910/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2019 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; Thường trú: ấp Đ, xã T, huyện Cái Nước, Cà Mau; Chỗ ở: 118/2 ấp T, xã B, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1992; Thường trú: ấp C, xã L, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: 118/2 ấp T, xã B, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2014, quyền số 01/2013 ngày 05/5/2014.

Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, luôn cự cãi lớn tiếng, đập phá đồ đạc, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đặc biệt căng thẳng từ tháng 11/2014. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, tuy vẫn sinh sống cùng khu nhà trọ, hàng ngày gặp nhau nhưng xem nhau như người xa lạ. Đến nay thì tình cảm vợ chồng

không còn nên không thể đoàn tụ chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N xin ly hôn với ông H. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/11/2014. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng H được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông H, được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xác nhận không có nợ chung và tài sản chung.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Bà N và ông H chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; con chung ở với nguyên đơn. Bị đơn được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Các đương sự cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXXST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 258/GTT ngày 19/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 289/GTT ngày 15/7/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2014, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, Cà Mau cấp ngày 05/5/2014, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp, quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2014 và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, tuy ở chung khu nhà trọ, gặp nhau hàng ngày nhưng bỏ mặc, xem nhau như người xa lạ, không quan tâm, chăm sóc, không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Phía bị đơn là ông Nguyễn Hoàng H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa, bà N cương quyết xin ly hôn với ông H, xác định không còn tình cảm yêu thương đối với ông H. Như vậy, mặc dù chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú theo nội dung biên bản xác minh ngày 21/5/2019 nhưng quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H là có thật, đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân và bỏ mặc nhau, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Theo lời trình bày của bà N, phù hợp với nội dung Giấy khai sinh số 432/2014, quyển số 02/2014 ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp, có căn cứ xác định bà N và ông H có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/11/2014. Con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc liên tục cho đến nay, ông H không có ý kiến đồng ý hay phản đối. Như vậy, việc giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với lợi ích và sự phát triển tâm sinh lý của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hoàng H.

- Về con chung và nuôi con chung:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014;

+ Tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hoàng H cho đến khi có yêu cầu của bà Nguyễn Thị N .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003717 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Trần Thới, huyện
Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy